

PHỤ LỤC

Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị: nghìn đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi, gồm: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; thi tuyển sinh trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia		
1	Ban chỉ đạo thi/Ban tổ chức	Người/ngày	
	- Trưởng ban		960
	- Phó trưởng ban thường trực		860
	- Phó trưởng ban		770
	- Ủy viên, thư ký		670
	- Nhân viên phục vụ		290
2	Hội đồng thi	Người/ngày	
	- Chủ tịch		860
	- Phó chủ tịch		780
	- Ủy viên, Thư ký		690
3	Ban thư ký Hội đồng thi	Người/ngày	
	- Trưởng ban		770
	- Phó trưởng ban		700
	- Ủy viên		620
4	Chi tiền công công tác ra đề thi		
4.1	Chi tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Người/ngày	
	- Chủ trì		770
	- Các thành viên		620
4.2	Chi tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận		
	- Thi tuyển sinh	Đề	480
	- Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển dự thi HSG quốc gia	Đề	720
	- Thi chọn HSG cấp tỉnh	Đề	580
4.3	Chi tiền công ra đề thi chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện) có kèm theo đáp án, biểu điểm	Người/ngày	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Thi tuyển sinh		840
	- Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển dự thi HSG quốc gia		1.200
	- Thi chọn HSG cấp tỉnh		960
4.4	Chi tiền công cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi	Người/ngày	
	- Chủ tịch/Trưởng ban		770
	- Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban		700
	- Thư ký, Ủy viên		620
	- Công an, y tế vòng trong (24/24h)		540
	- Công an vòng ngoài		430
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ		230
5	Chi tiền công công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
5.1	Chi tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi bản đặc tả đề thi	Người/ngày	
	- Chủ trì		460
	- Các thành viên		370
5.2	Chi tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	40
5.3	Chi tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	35
5.4	Chi thử nghiệm, phân tích, đánh giá câu hỏi	Câu	30
5.5	Chi tiền công chỉnh sửa lại câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	20
5.6	Chi tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa (được quản lý trên phần mềm máy tính)	Câu	6
5.7	Chi tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm	Người/ngày	
	Chủ trì		580
	Các thành viên		460
6	Chi tiền công cho thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi	Người/ngày	
	- Trưởng ban làm việc cách ly		690
	- Phó trưởng ban làm việc cách ly		620
	- Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly		550
	- Công an làm việc cách ly		480
	- Công an vòng ngoài		390
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ		280
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi		550

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
7	Chi tiền công cho các thành viên của Hội đồng/Ban/Điểm Coi thi	Người/ngày	
	- Chủ tịch/Trưởng ban/Trưởng điểm		690
	- Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban/Phó trưởng điểm		620
	- Ủy viên, Thư ký, Giám thị/Cán bộ coi thi, Cán bộ Giám sát		550
	- Công an vòng trong		480
	- Công an vòng ngoài		390
	- Nhân viên phục vụ (kế toán, y tế, tạp vụ), bảo vệ, trật tự viên		280
	- Thành viên bộ phận vận chuyển bài thi		550
8	Chấm thi		
8.1	Chi tiền công cho các thành viên của Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận/trắc nghiệm	Người/ngày	
	- Chủ tịch/Trưởng ban		770
	- Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban thường trực		740
	- Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban		700
	- Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên, Giám sát		620
	- Công an vòng trong		540
	- Công an vòng ngoài		430
	- Nhân viên phục vụ (kế toán, y tế, tạp vụ), bảo vệ		230
	- Tiền công cho cán bộ chấm thi		
	+ Thi tuyển sinh THPT, tốt nghiệp THPT		670
	+ Thi chọn HSG cấp tỉnh, thi chọn HSG đội tuyển		770
8.2	Chi tiền công cho các thành viên của Ban/Tổ làm phách	Người/ngày	
	- Trưởng ban/Tổ trưởng		770
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó		700
	- Ủy viên, Thư ký		620
	- Công an vòng trong		540
	- Công an vòng ngoài		430
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ		230
8.3	Chi tiền công cho các thành viên của Hội đồng/Ban Chấm phúc khảo, Chấm thẩm định	Người/ngày	
	- Chủ tịch/Trưởng ban		770
	- Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban		700
	- Thư ký, Ủy viên, Kỹ thuật viên		620
	- Công an vòng trong		540
	- Công an vòng ngoài		430

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ		230
	- Tiền công cho cán bộ chấm phúc khảo, chấm thẩm định		
	+ Thi tuyển sinh THPT, tốt nghiệp THPT		670
	+ Thi chọn HSG cấp tỉnh, thi chọn HSG đội tuyển		770
9	Chi tiền công cho các thành viên làm công tác thanh tra/kiểm tra thi	Người/ngày	
	- Trưởng đoàn		690
	- Phó Trưởng đoàn		620
	- Ủy viên		550
	- Thanh tra viên/kiểm tra viên độc lập		550
II	Nội dung, mức chi cho chuẩn bị, tổ chức các cuộc thi, hội thi do cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn, bao gồm: thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên tổng phụ trách đội giỏi, các hội thi về phong trào văn thể mỹ và các cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo		
1	Cấp tỉnh		
	Mức chi bằng 65% mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi tại Mục I Phụ lục này		
2	Cấp xã		
	Mức chi bằng 80% mức chi tại Mục 1. II Phụ lục này		
3	Cấp trường		
	Mức chi bằng 80% mức chi tại Mục 1. II Phụ lục này. Đây là mức chi tối đa, căn cứ nguồn kinh phí và phạm vi nhiệm vụ chuyên môn được giao, thủ trưởng đơn vị cân đối, quyết định		